

Số: **38/2024/QĐST-DS Biên Hòa**, ngày 06 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Thế Mạnh.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi.
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 956/2024/TLST-VDS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” theo quyết định mở phiên họp số 2035/2024/QĐST-VDS ngày 25 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Cù Thị N, sinh năm 1985.

Địa chỉ đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ cư trú hiện nay: G, tổ A, khu phố A, phường H, TP ., tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C, sinh năm 2000 và ông Trần Hạo N1, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số C, đường số D, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (*Theo giấy ủy quyền ngày 04/7/2024*).

(*Ông C và ông N1 có đơn xin vắng mặt tại phiên họp*)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Bà N và ông Phạm Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2011, quyền số 01/2011 vào ngày 31/8/2011.

Năm 2017, bà N và ông Huỳnh C1 vào thành phố B, tỉnh Đồng Nai để sinh sống, làm việc. Bà N, ông H có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 2166/21, tổ A, ấp A, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Đơn xin xác nhận tạm trú do Công an xã H xác nhận ngày 24/7/2017.

Năm 2023, bà N, ông H được xác nhận đăng ký tạm trú tại địa chỉ khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy xác nhận thông tin về cư trú do Công an xã L cấp ngày 06/6/2023. Tuy nhiên, trước đó vào khoảng tháng 5/2023, ông H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không rõ lý do. Sau khi ông H đi khỏi nơi cư trú tại địa chỉ 2, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bà N đã liên hệ đến gia đình ông H, người thân và bạn bè của ông H ở nơi thường trú để hỏi thông tin của ông và xác định xem ông có trở về quê nhà không. Sau đó, bà N về nhà chồng tại Thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam để cùng gia đình tìm kiếm sự giúp đỡ từ chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân xã L và Công an xã L.

Cụ thể, bà N đã đến Công an xã L để xin xác nhận thông tin cư trú của ông H tại địa phương. Tuy nhiên, Công an xã L từ chối xác nhận vì thông tin về cư trú là thông tin cá nhân, bảo mật theo quy định pháp luật. Sau đó, bà N đã đến Ủy ban nhân dân xã L để đề nghị chính quyền địa phương hỗ trợ xác minh thông tin cư trú của ông H. Tại đây, bà N được cán bộ hướng dẫn thực hiện thủ tục hoà giải ly hôn tại cơ sở để được Ủy ban nhân dân xã xác nhận thông tin cư trú. Cụ thể, tháng 6/2023, bà N đã có đơn ly hôn gửi đến Ủy ban nhân dân xã L. Ngày 13/6/2023, Ủy ban nhân dân xã L đã ban hành Thông báo về việc không thụ lý đơn xin ly hôn số 30/TB-UBND. Theo đó, sau các lần mời ông H đến làm việc không thành, qua xác minh, Ủy ban nhân dân xã L đã xác định được nguyên nhân, xác nhận với bà N rằng là do ông H “ đi làm ăn xa hiện đã vắng một một thời gian dài khỏi địa phương, gia đình không liên lạc được ... ”.

Như vậy, mọi công sức tìm kiếm cũng như liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để tìm kiếm ông H cũng không thể xác định được thông tin cư trú của ông H. Kể từ thời điểm đó cho đến nay, bà N không biết được bất kỳ thông tin nào từ ông H.

Hiện nay, bà N muốn thực hiện thủ tục ly hôn với ông H theo quy định pháp luật nhưng không biết địa chỉ cụ thể của ông H đang cư trú ở đâu mà chỉ biết địa chỉ cư trú cuối cùng của ông H là tại 2166/21, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định về thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu như sau:

“1. Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong các trường hợp sau đây:

a) Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết

[...]”.

Căn cứ quy định nêu trên, bà N đã nộp đơn ly hôn đơn phương đến Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai và được Tòa án thụ lý theo Thông báo thụ lý vụ án số 1459 TB-TLVA ngày 07/6/2024. Tuy nhiên, sau khi thụ lý Tòa

án xác minh ông Huỳnh H1 không cư trú tại địa phương nên bà N được Tòa án hướng dẫn thực hiện thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, sau đó sẽ thực hiện thủ tục ly hôn đơn phương.

Do vậy, bà N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 (*nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 2, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai*).

Bà N không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người vắng mặt là ông Phạm Văn H.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên họp:*

- Việc dân sự giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của bà Cù Thị N đối với ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 từ khi thụ lý đến phiên họp đều đảm bảo đúng quy định tại Điều 362, 363, 365, 381 và 382 Bộ luật tố tụng dân sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

- Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định: Yêu cầu của bà Cù Thị N về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với Phạm Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú cuối cùng: 2166/21, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 64 Bộ luật Dân sự; Điều 381, 382, 383, 384 và 385 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Bà Cù Thị N không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú là ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Cù Thị N phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên họp, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Ngày 19/9/2024, bà Cù Thị N có đơn yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Phạm Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú cuối cùng: 2166/21, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc dân sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông Võ Văn C và ông Trần Hạo N1 đã có đơn đề nghị được vắng mặt tại Phiên họp nên căn cứ vào khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự để vẫn tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 có đăng ký tạm trú tại tổ A, ấp (nay là khu phố), xã (nay là phường) H, thành phố B (Công an xã H xác nhận tại Đơn xin xác nhận tạm trú của ông Phạm Văn H ngày 24/7/2017 - BL số 12). Theo Đơn xin xác nhận (về thông tin cư trú của ông Phạm Văn H) của bà Cù Thị N ngày 28/8/2024 (Bút lục số 14) Công an phường H, TP ., tỉnh Đồng Nai cũng xác nhận “Ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 không sinh sống tại nhà trọ Trần Nại Q - Địa chỉ: 2, tổ A, khu phố A, phường H, TP ., tỉnh Đồng Nai từ tháng 5/2023 đến nay, không rõ nơi ở hiện tại”. Đến ngày 31/10/2024 (sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm của bà Cù Thị N), Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiếp tục tiến hành xác minh về tình trạng cư trú của ông Phạm Văn H và được Công an phường H, TP . cho biết: “Ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 không có đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ 2166/21, tổ A, khu phố A, phường H, TP ., tỉnh Đồng Nai và không sinh sống tại địa phương từ tháng 5/2023 đến nay”. Bà Cù Thị N đã liên hệ với gia đình, người thân và bạn bè về thông tin cư trú của ông Phạm Văn H nhưng ngoài địa chỉ cư trú cuối cùng tại 2, tổ A, khu phố A, phường H, TP ., tỉnh Đồng Nai thì bà N cũng không biết thông tin cư trú nào khác của ông H.

Như vậy có căn cứ để xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 tại địa chỉ: 2, tổ A, khu phố A, phường H, TP ., tỉnh Đồng Nai.

Xét thấy ông Phạm Văn H đã biệt tích 06 tháng liền trở lên mà không có tin tức xác thực hoặc địa chỉ nơi cư trú mới.

Vì vậy, yêu cầu của bà Cù Thị N về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 (tại địa chỉ cư trú cuối cùng: 2166/21, tổ A, khu phố A, phường H, TP ., tỉnh Đồng Nai) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 64 Bộ luật Dân sự; Điều 381, 382, 383, 384 và 385 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Cù Thị N không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú là ông Phạm Văn H, sinh năm 1988 nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Cù Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định.

[5] Về ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên họp phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39; các Điều 362, 363, 365, khoản 2 Điều 367, 381, 382, 383, 384 và 385 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 64 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của bà Cù Thị N, sinh năm 1985.

Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Phạm Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú cuối cùng: 2166/21, tổ A, khu phố A, phường H, TP .., tỉnh Đồng Nai.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Phạm Văn H, thông báo này phải được đăng trên một trong các báo hàng ngày của Trung ương trong ba số liên tiếp, Công thông tin điện tử của Tòa án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của Trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp.

2. Về áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Cù Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0004406 ngày 25 tháng 10 năm 2024.

4. Bà Cù Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được tổng đạt (niêm yết) hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Thế Mạnh